TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **19/**2023/HNGĐ-ST. Ngày: 09/5/2023 V/v: Xin ly hôn	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Hà

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thương và ông Nguyễn Huy Hoàn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố H .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố H tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Nhung- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, Thành phố H , xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 220/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc "*Xin ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Anh Nguyễn Đăng T**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện Đ, TP. Hà Nội.

Nghề nghiệp: Công nhân.

Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị L**, sinh năm 1993;

Nơi ĐKHKTT: Thôn 5, xã T, huyện Đ, Thành phố H

Hiện nay đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn Anh Nguyễn Đăng T trình bày: Năm 2010, anh có tìm hiểu và đăng ký kết hôn với Chị Nguyễn Thị L tại UBND xã T, huyện Đ, thành phố H . Sau khi kết hôn chị L về gia đình nhà anh làm ăn sinh sống. Anh chị sinh sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân của mâu thuẫn là do chị L có quan hệ ngoài luồng nên anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Do đó chị L nhiều lần bỏ về gia đình nhà mẹ đẻ sinh sống. Anh có động viên nhiều lần nhưng chị L có quay trở về sinh sống cùng anh nhưng chỉ được một thời gian rồi lại bỏ đi. Hiện nay, chị L đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Thanh Phong, Thanh Hóa. Anh chị từ lâu không còn liên lạc gì với nhau và không còn quan tâm gì tới nhau. Do đó anh thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm với chị L không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn để giải phóng chung cho cả hai người.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Đăng Bảo Long, sinh ngày 18/11/2013 và cháu Nguyễn Thị Nhã Uyên, sinh ngày 18/01/2016. Hiện nay hai cháu đang ở cùng với anh và khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi hai cháu và không đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp vào khối tài sản chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn Chị Nguyễn Thị L hiện đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án đã tiến hành ủy thác thu thập chứng cứ, chị L đã có bản tự khai trong hồ sơ, chị L có ý kiến:

Trong quá trình sinh sống anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân của mâu thuẫn là vợ chồng không hợp tính nhau và không chia sẻ được với nhau trong cuộc sống, trong công việc làm ăn nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh chị sống ly thân từ năm 2021 đến nay và hiện nay chị đang chấp hành án phạt tù tại trại Thanh Phong nhưng anh T và gia đình cũng không điện thoại hỏi thăm lần nào và cũng không vào thăm. Thực tế tình cảm vợ chồng không còn nhưng còn con chung nên chị xin đoàn tụ để nuôi dậy con chung. Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Nguyễn Đăng Bảo Long, sinh ngày 18/11/2013 và cháu Nguyễn Thị Nhã Uyên sinh ngày 18/01/2016. Hiện nay chị đang chấp hành án phạt tù nên chị đồng ý để anh T nuôi dưỡng khi nào chị ra trại giam thì sẽ yêu cầu thay đổi nuôi con sau. Về tài sản: không có. Nợ chung: không có. Về công sức đóng góp với gia đình nhà chồng chị có đóng góp 200 triệu đồng để xây dựng nhà của gia đình nhà chồng, chị đề nghị anh T trích công sức đóng góp cho chị bằng hiện vật. Chị L đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị L và đề nghị Toà án giao cả hai con chung cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Chị L có yêu cầu tính công sức đóng góp cho chị vào việc xây dựng nhà trên đất nhà anh T số tiền là 200 triệu đồng nhưng Tòa án không ban hành thông báo yêu cầu chị L cung cấp tài liệu chứng cứ và không tiến hành thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là ngôi nhà mà chị L yêu cầu chia khi ly hôn. Không làm rõ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để làm rõ các vấn đề nêu trên của Viện kiểm sát.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Trần Văn Tú có đơn xin ly hôn với Chị Nguyễn Thị L. Chị L có hộ khẩu thường trú tại Thôn 5, xã T, huyện Đ, Thành phố H nên Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên Toà hôm nay bị đơn Chị Nguyễn Thị L vắng mặt do đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá. Chị L đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Chị Nguyễn Thị L.

Về nội dung: Anh Nguyễn Đăng T và Chị Nguyễn Thị L đăng ký kết hôn ngày 28/1/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Đ, thành phố H trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L và anh T khác nhau về quan điểm sống, không hợp nhau trong công việc và không đồng thuận nhau trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Từ năm 2021, anh chị đã sống ly thân từ lâu và không còn quan tâm tới nhau. Xét quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị L không còn gắn bó, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho anh T được ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh Nguyễn Đăng T và Chị Nguyễn Thị L có 02 con chung là Nguyễn Đăng Bảo Long, sinh ngày 18/11/2013 và cháu Nguyễn Thị Nhã Uyên sinh ngày 18/01/2016. Hiện nay hai cháu đang ở cùng anh T và do anh T nuôi dưỡng. Chị L hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Thanh Phong. Do đó để bảo đảm quyền lợi của cháu Long, cháu Uyên Tòa án thấy cần thiết giao cháu Long, cháu Uyên cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của chị L cho đến khi anh T có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về công sức đóng góp vào khối tài sản chung: Anh T trình bày không có. Chị L trình bày chị có đóng góp 200.000.000 đồng *(Hai trăm triệu đồng*) để xây dựng nhà chồng tuy nhiên chị L không cung cấp tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của mình và hiện nay chị L đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Phong nên yêu cầu này của chị L sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

Xét yêu cầu của Viện kiểm sát đề nghị tạm dừng phiên Toà để lấy lời khai của chị L, đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, mở phiên họp và tiến hành thẩm định, định giá ngôi nhà để xem xét toàn diện vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại chị L đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam, do đó không thể tiến hành các hoạt động tố tụng tại Toà án được. Mặt khác, chị L có quyền khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn khi chị L đã chấp hành xong hình phạt tù. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của Viện kiểm sát.

Về án phí: Anh Nguyễn Đăng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của Anh Nguyễn Đăng T. Cho Anh Nguyễn Đăng T được ly hôn với Chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đăng Bảo Long, sinh ngày 18/11/2013 và cháu Nguyễn Thị Nhã Uyên, sinh ngày 18/01/2016 Anh Nguyễn Đăng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nôi con của Chị Nguyễn Thị L cho đến khi Anh Nguyễn Đăng T yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên Tòa án không phải xem xét.

4. Về công sức đóng góp vào khối tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác khi có yêu cầu.

5. Về án phí: Anh Nguyễn Đăng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002989 ngày 13/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, Thành phố H .

6. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ, TP Hà Nội;
- Chi cục THAD huyện Đ, TP Hà Nội;
- TAND Thành phố H ;
- UBND xã T.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Sơn Hà